

Bản án số: 02/2019/KDTM-PT

Ngày 25/4/2019
*V/v Tranh chấp kinh doanh
thương mại về hợp đồng vay
tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các Thẩm phán:

1. Bà Thái Thị Huyền Trân
2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 01/2019/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng (vay tài sản)”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2018/KDTM-ST, ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện CT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2019/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam TV (VPBank)

Trụ sở chính: 89 LH, phường LH, Quận ĐĐ, Thành phố HN.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số 296 PXL, phường 7, Quận PN, Thành phố HCM.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản

trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh Th, sinh năm 1992– chức vụ: cán bộ xử lý nợ - VPBank AMC.

Địa chỉ liên lạc: 179– 181 THĐ, phường MB, thành phố LX, AG.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Mai Văn H (Mai Thanh H), sinh ngày 30/4/1956

2.2 Bà Nguyễn Thị E, sinh ngày 14/8/1954

Nơi cư trú: Ấp VTh, xã VNh, huyện CT, AG.

Chỗ ở hiện nay: ấp TPh 4, xã VPh, huyện Ths, AG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Đình Thái H – VPLS Thái H- Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng.

Người kháng cáo: Ông Mai Văn H (Mai Thanh H) và bà Nguyễn Thị E.

(ông Thơ, ông H, Luật sư H có mặt; bà E vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Trần Minh Th trình bày:

Ngày 22/11/2013, ông Mai Văn H (Mai Thanh H) và bà Nguyễn Thị E có ký hợp đồng tín dụng số AGG/13/0005/HĐTD với Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV (sau viết tắt VPBank) – chi nhánh AG vay số tiền 1.200.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay hoàn tiền xây dựng nhà trọ, lãi suất thỏa thuận là 9,99%/năm điều chỉnh 3 tháng/lần, hình thức trả nợ là trả vốn và lãi hàng tháng, dư nợ gốc giảm dần, quá trình vay vốn ông H và bà E có trả vốn và lãi đúng định kỳ, từ ngày 13/02/2017 còn nợ lại vốn là 300.000.000đ có nộp lãi nhưng không đầy đủ, đến ngày 21/12/2017 ông H bà E có trả được số tiền vốn là 5.482.767đ. Tính đến ngày 15/11/2018 ông H bà E còn nợ số tiền vốn và lãi là 363.691.583đ, trong đó vốn gốc 294.517.233đ, lãi trong hạn và quá hạn là 69.174.350đ.

Để đảm bảo khoản vay theo hợp đồng tín dụng thì ông H và bà E có thể chấp 02 giấy chứng nhận QSDĐ theo hợp đồng thế chấp số AGG/13/0005/HĐTC ngày 22/11/2013 như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00583 do Ủy ban nhân dân huyện Ths, tỉnh AG cấp ngày 12/7/2013 cho ông H bà E.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05752 QSDĐ/kg do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 15/7/2004 cho ông H bà E. Quá trình thế chấp đến ngày 07/02/2017 tại tờ trình về phương án xử lý nợ Ngân hàng VPBank đã giải chấp cho ông H và bà E đối với giấy chứng nhận QSDĐ này.

Nay, VPBank yêu cầu ông H bà E phải thanh toán cho Ngân hàng một lần số tiền 363.691.583đ (Ba trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm chín mươi một ngàn năm

trăm tám mươi ba đồng). Yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo trong giai đoạn thi hành án, VPBank sẽ trả lại tài sản thế chấp cho ông H và bà E sau khi ông và bà trả xong nợ.

Tại bản tự khai ngày 28/9/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Mai Văn H và bà Nguyễn Thị E thống nhất trình bày:

Ông và bà xác nhận vào ngày 22/11/2013 có ký hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV (VPBank) – chi nhánh AG số tiền 1.200.000.000đ, thời hạn vay, lãi suất và hình thức vay đúng như đại diện Ngân hàng trình bày, quá trình vay ông và bà có trả vốn và lãi đúng định kỳ, ông và bà đã bán tài sản để thanh toán 01 phần nợ trước hạn cho Ngân hàng, phía Ngân hàng hứa làm lại hợp đồng vay mới để cho ông và bà trả vốn và lãi ít hơn hợp đồng cũ, nhưng Ngân hàng không thực hiện làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của gia đình ông, tính đến nay ông và bà còn nợ số tiền vốn là 294.517.233đ, lãi suất trong hạn và quá hạn là 69.174.350đ, tổng cộng 363.691.583đ (Ba trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm chín mươi một ngàn năm trăm tám mươi ba đồng) ông và bà đồng ý trả, ông và bà xin thời gian 3 tháng để trả dứt nợ.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 06/2018/DS-ST, ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện CT đã xử:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 147, 184, 235, 244, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 466, 468, 470, 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự 2015;
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV (VPBank).

- Buộc ông Mai Văn H và bà Nguyễn Thị E phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV tổng số tiền vốn và lãi suất là 363.691.583đ (Ba trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm chín mươi một ngàn năm trăm tám mươi ba đồng). Trong đó tiền vốn là 294.517.233đ, lãi suất trong hạn và quá hạn là 69.174.350đ

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số AGG/13/0005/HĐTC để đảm bảo trong giai đoạn thi hành án.

Bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và thi hành án của đương sự.

Ngày 30/11/2018, ông H, bà E kháng cáo: Yêu cầu Tòa án xem xét lại lãi suất trong việc chậm trả vốn, do Ngân hàng hứa cho đáo hạn nhưng không thực hiện, xin trả dần;

Ông bà trên 60 tuổi, nhưng không được xem xét miễn giảm án phí theo quy định pháp luật, yêu cầu được xem xét giảm án phí cho ông bà.

Luật sư trình bày luận cứ bảo vệ: Ông H, bà E không có lỗi trong việc vi phạm hợp đồng do bị đơn trả nợ gốc trước hạn theo khoản 5 Điều 4 của Hợp đồng, có hành vi gian dối của Ngân hàng.

Ông H, bà E trên 60 tuổi nên áp dụng Nghị quyết 326 để miễn, giảm một phần án phí.

Về nội dung: Ông H, bà E do thiếu hiểu biết nên cán bộ Ngân hàng đã lách luật bằng cách đưa toàn bộ số tiền trả trước hạn thành việc trả trước vào các kỳ tiếp theo tính đến hết ngày 22/9/2017. Do việc này nên ông H, bà E bất mãn dẫn đến vi phạm. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét áp dụng lãi suất cơ bản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước 9%/năm, lãi quá hạn 13,5%/năm tính từ ngày 23/9/2017 đến ngày 15/11/2018 với tiền gốc, cụ thể:

Lãi từ ngày 23/9/2017 đến ngày 19/12/2017

$300.000.000đ \times 9\% \times 150\% \times 88 \text{ ngày} / 360 = 9.900.000đ$

Lãi từ ngày 20/12/2017 đến ngày 15/11/2018 là 331 với nợ gốc: 294.517.233đ.

$294.517.233đ \times 9\% \times 150\% \times 331 \text{ ngày} / 360 \text{ ngày} = 36.556.951đ.$

Số lãi đã trả: 17.717.350đ

Vậy tổng số nợ và lãi: $294.517.233đ + 9.900.000đ + 36.556.951đ - 17.717.350đ = 323.256.834đ.$

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AG tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến.

- Về tố tụng vụ án:

Việc tuân theo pháp luật, thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự

- Về nội dung: Hợp đồng tín dụng ngày 22/11/2013 giữa Ngân hàng VP Bank với ông H, bà E trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật nên phát sinh quyền nghĩa vụ các bên.

Về lãi suất: NH VP Bank hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng 2010, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 về lãi suất không chịu sự điều chỉnh bởi giới hạn lãi suất của Bộ luật dân sự. Lãi suất Ngân hàng áp dụng tính lãi đối với ông H, E 13,10%, lãi suất quá hạn 19,85%/năm phù hợp với quy định của Thông tư 12 ngày 14/4/2010 nên mức lãi suất này là không trái pháp luật. Tại phiên tòa, Ngân hàng điều chỉnh lãi giảm 312.817đ là có lợi chi bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu miễn án phí: Mục đích vay tiền là kinh doanh nhà trọ theo Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh số: 52K8004910 ngày 01/4/2013, Do

không thuộc trường hợp miễn giảm án phí, nên xin miễn không có cơ sở chấp nhận.

Về tố tụng: Bà E đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên đình chỉ nội dung kháng cáo của bà E.

Đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, bà E. Buộc ông H, bà E phải liên đới trả cho Ngân hàng VP bank số tiền gốc: 294.517.233đ và tiền lãi: 68.861.533đ, cộng: 363.378.766đ.

Sửa bản án sơ thẩm về Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp là không phù hợp với án lệ số 11/2017/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 14/12/2017.

Đình chỉ kháng cáo của bà E, không chấp nhận yêu cầu miễn, giảm án phí cho ông H, bà E

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Về tố tụng: Ông Mai Văn H, sinh năm 1955, bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1953 là đồng bị đơn tham gia tố tụng từ khi thụ lý đến khi cấp sơ thẩm giải quyết bằng Bản án số: 06/2018/DS-ST, ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện CT, và ông H, bà E làm đơn kháng cáo cũng với tên Mai Văn H, sinh năm 1955, bà Nguyễn Thị E, sinh ngày 14-8-1954. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử kiểm tra lại thì ông Mai Văn H đã cải chính hộ tịch thành Mai Thanh H, sinh ngày 30-4-1956 và bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1953 thành Nguyễn Thị E, sinh ngày 14-8-1954. Công An xã VPh, huyện Ths, tỉnh AG xác nhận ông Mai Văn H, sinh năm 1955 và Mai Thanh H, sinh ngày 30-4-1956 là một người và bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1953 và Nguyễn Thị E, sinh ngày 14-8-1954 là một người. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn cũng đã xác định và tiếp tục kiện ông Mai Thanh H, sinh ngày 30-4-1956 và bà Nguyễn Thị E, sinh ngày 14-8-1954 không khác so với hồ sơ khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện CT.

Vậy, Đơn kháng cáo của ông Mai Văn H (Mai Thanh H), bà Nguyễn Thị E trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Ngân hàng VPBank không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị E đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự Đình chỉ đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị E.

Hội đồng xét xử xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị E theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn yêu cầu mời bà Trần Minh Bảo Trâm là Giám đốc Chi nhánh VP Bank AG để đối chất để làm rõ nội dung: Bà Trâm đại diện

cho Ngân hàng hứa cho ông bà vay tiếp tục. Xét yêu cầu này của bị đơn là không có căn cứ vì vay trên cơ sở thỏa thuận, Ngân hàng xem xét để có thể cho vay tiếp hay không đó là quyền tự quyết của Ngân hàng, nên giữa bị đơn với Ngân hàng không tiếp tục vay và cho vay không làm căn cứ phát sinh lỗi để từ chối trả lãi suất quá hạn đối với hợp đồng tín dụng ngày 22/11/2013 đang thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không đồng ý mời bà Trâm theo yêu cầu của ông H, bà E.

[3] Nhận thấy: Vợ chồng ông H, bà E ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng VPBank vay 1.200.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay hoàn tiền xây dựng nhà trọ, lãi suất thỏa thuận là 9,99%/năm điều chỉnh 3 tháng/lần, sự thỏa thuận này trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Tuy nhiên, người vay là ông H, bà E đã vi phạm hợp đồng, không trả gốc lãi như nội dung hợp đồng, cụ thể: từ ngày 13/02/2017, ông bà còn nợ lại vốn là 300.000.000đ có nộp lãi nhưng không đầy đủ, đến ngày 21/12/2017 ông H bà E có trả được số tiền vốn là 5.482.767đ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc còn lại: vốn là 294.517.233đ, lãi suất trong hạn và quá hạn là 69.174.350đ nên cấp sơ thẩm buộc ông H, bà E trả gốc lãi là có căn cứ pháp luật.

Đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn ông H, bà E trả gốc: 294.517.233 và tiền lãi trong hạn, quá hạn tạm tính đến ngày 15/11/2018 như cấp sơ thẩm đã tính: 69.174.350đ nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, chỉ yêu cầu trả lãi: 68.861.533đ, giảm tiền lãi 312.817đ là có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất chậm trả: Ông H, bà E đã vi phạm thỏa thuận trả gốc và lãi vào ngày 22 háng tháng đã thể hiện trong hợp đồng. Ông H và bà E trả gốc đến ngày 23/9/2017 thì ngưng, nên ông H, bà E vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày tiếp theo ngày 23/10/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/11/2018) và theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngày số: AGG/13/0005/HDTD ngày 22/11/2013 thì ông H, bà E phải chịu lãi suất quá hạn, Ngân hàng không tính lãi suất chậm trả như nội dung kháng cáo của ông H.

Ngày 23/9/2017, thời điểm ông H, bà E trả 300.000.000đ Ngân hàng đã tính lãi suất 13.20%/năm nhưng ông H, bà E không phản đối và đồng ý trả. Hơn nữa, theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 thì Ngân hàng có quyền thỏa thuận lãi suất, điều chỉnh lãi suất...điều này phù hợp theo tại Điều 7 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTPTANDTC Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên Ngân hàng điều chỉnh lãi suất, và lãi suất quá hạn biến động ở mức cao nhất 20,55% là không vi phạm pháp luật. Nên lời trình bày của ông H, bà E cũng như lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn lập luận lãi suất cao hơn quy định pháp Bộ luật dân sự 2005, yêu cầu tính lãi suất cơ bản 9%/ năm và lãi suất quá hạn 13,5%/năm là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về khấu trừ tiền lãi đã trả 17.717.350đ, Luật sư bảo vệ quyền lợi bị đơn lập luận: Tại bút lục số 2, phía Ngân hàng tính lãi trong hạn: 33.841.667 và quá hạn: 53.049.917, trừ tiền lãi bị đơn đã trả được 17.717.350đ, còn nợ: 69.174.350đ. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng tính lãi trong hạn, quá hạn còn: 68.861.533đ nên lập luận này của Luật sư chưa phù hợp, bởi vì: tại bút lục số 02,

ông H, bà E trả lãi tính đến ngày 23/02/2017 được 17.717.350đ. Ngân hàng cung cấp bảng tính lãi trong từng giai đoạn có điều chỉnh lãi trong hạn, quá hạn và chỉ tính lãi từ ngày 23/09/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/11/2018: 68.861.533đ đã là có lợi cho bị đơn, nên không chấp nhận khấu trừ.

[6] Ngân hàng và ông H, bà E đã tự nguyện thỏa thuận giải chấp một tài sản là Nhà và đất tại ấp VTh, xã VNh, huyện CT, tỉnh AG theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Đ841779 do UBND huyện CT cấp ngày 15/7/2004 , vào sổ cấp: GCN05752 QSDĐ/kG nên tài sản thế chấp còn lại gồm: Nhà và đất tại xã VPh, huyện Ths, tỉnh AG theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BM411762 do UBND huyện Ths cấp ngày 12/7/2013, vào sổ cấp: GCN CH00583 còn hiệu lực và để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử sửa cách tuyên về nội dung này cho phù hợp.

[7] Xét yêu cầu xin giảm tiền án phí: Do ông H, bà E không làm đơn miễn tiền án phí nên cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông bà có đơn xin miễn án phí, Hội đồng xét xử nhận thấy: ông H, sinh ngày 30/4/1956, đến ngày xét xử ngày 25/4/2019 là trên 60 tuổi, bà Nguyễn Thị E, sinh ngày 14/8/1955, đến ngày xét xử cũng trên 60 tuổi. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận miễn lý do bị đơn là thương nhân. Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 và Điều 2 Luật người cao tuổi, thì ông H, bà E thuộc đối tượng miễn tiền án phí được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về thủ tục kháng cáo: Cấp sơ thẩm xác định vụ án thuộc loại án kinh doanh thương mại, lẽ ra Tòa án thông báo nộp tạm ứng kháng cáo 2.000.000đ (*ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016*), nhưng thông báo cho ông H, bà E nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo là chưa đúng quy định pháp luật, nêu lên rút kinh nghiệm chung-.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông H kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, do Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo cho ông H nộp 300.000đ tạm ứng án phí kháng cáo, nên ông H được hoàn trả 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2016/0008738 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

[10] Bà E kháng cáo dù Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng bà vắng mặt không lý do, lẽ ra tiền kháng cáo phải sung công quỹ nhà nước 300.000đ và còn phải nộp thêm nhưng do bà có đơn xin miễn án phí vì người cao tuổi nên bà không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả 300.000đ tiền tạm ứng kháng cáo đã nộp.

Các nội dung khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AG.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 147, 184, 235, 244, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 466, 468, 470, 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

- Nghị quyết số:01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTPTANDTC Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Mai Văn H (Mai Thanh H).

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị E

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2018/DS-ST, ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện CT

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV (VPBank).

Buộc ông Mai Văn H (Mai Thanh H) và bà Nguyễn Thị E phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV tổng số tiền vốn và lãi suất là 363.378.766đ (Ba trăm sáu mươi ba triệu ba trăm bảy mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó tiền vốn là 294.517.233đ, lãi suất trong hạn và quá hạn là 68.861.533đ

Trường hợp ông Mai Văn H (Mai Thanh H), bà Nguyễn Thị E không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số AGG/13/0005/HĐTD ngày 22/11/2013 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện CT xử lý tài sản bảo đảm là: Nhà và đất tại xã VPh, huyện Ths, tỉnh AG theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BM411762 do UBND huyện Ths cấp ngày 12/7/2013, vào sổ cấp: GCN CH00583 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số AGG/13/0005/HĐTC ngày 22/11/2013 ngày 29-10-2009 để thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 15/11/2018, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án, cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí:

- Ngân hàng TMCP Việt Nam TV được nhận lại 7.983.000đ (Bảy triệu chín trăm tám mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003526 ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện CT, tỉnh AG.

Miễn tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho ông Mai Văn H và bà Nguyễn Thị E.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: ông H, bà E không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả cho ông H 300.000đ và bà E 300.000đ tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu tạm ứng án phí số: 0008738 và 0008739 cùng ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh AG;
- Chi cục THADS H.CT;
- TAND.H CT
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Keo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Chí Keo

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh AG;
- Chi cục THADS TP.Long Xuyên;
- TAND.TP.Long Xuyên
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khuu Để Dành